

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

## [NGỮ DỤNG HỌC]

**Mã học phần: EPR33021 – Số tín chỉ: 02**

Dùng cho ngành: **NGÔN NGỮ ANH**

Điều kiện tiên quyết: **Đọc 4/Viết 4**

Hình thức đào tạo: **Trực tiếp/Trực tuyến**

Đơn vị phụ trách: **Khoa Ngoại Ngữ**

### 1. Mô tả chung về học phần

Học phần ngữ dụng học giúp người học hiểu rõ mối quan hệ giữa ngôn ngữ và người sử dụng ngôn ngữ trong quá trình giao tiếp. Nhận biết rõ mối quan hệ giữa cấu trúc ngôn ngữ, và nội dung ngôn ngữ cũng như vai trò của người sử dụng ngôn ngữ và các yếu tố ngữ cảnh trong quá trình giao tiếp.

Trong khi các học phần về kỹ năng ngôn ngữ giúp người học phát triển năng lực nghe, nói, đọc và viết, các học phần lý thuyết tiếng như Ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm học, ngữ nghĩa học, phân tích diễn ngôn, và ngữ dụng học giúp người học không chỉ nâng cao kỹ năng ngôn ngữ và còn giúp phát triển năng lực phân tích, ứng dụng và nghiên cứu.

Học phần góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra A2, B1, B2, B3, C3, và C4 của chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh.

Sau khi kết thúc học phần, người học có khả năng:

Mục tiêu	Mô tả
G1	Nắm vững kiến thức cơ bản các khái niệm trong ngữ dụng học tiếng Anh và về ngữ nghĩa trong giao tiếp tiếng Anh, nghĩa của câu và phát ngôn như hàm ngôn và tiền giả định.
G2	Vận dụng kiến thức về ngữ dụng trong giao tiếp tiếng Anh một cách hiệu quả, phù hợp với ngữ cảnh phát ngôn.
G3	Vận dụng kiến thức đã học về ngữ dụng học trong nghiên cứu ngôn ngữ và nghiên cứu liên ngành

### 2. Các chữ viết tắt

*G: Mục tiêu học phần*

*CB: Giáo trình*

*RB: Sách tham khảo*

*TL: Tựa luận*

*TT: Thuyết trình*

*TN: Trắc nghiệm*

*BTL: Bài tập lớn*

*BTHK: Bài thi cuối học kỳ*

### 3. Chuẩn đầu ra của học phần

Chuẩn đầu ra	Mô tả
a1	Hiểu rõ những khái niệm cơ bản được sử dụng trong ngữ dụng học như câu, phát ngôn, hàm ngôn, tiền giả định, v.v.
a2	Ứng dụng được kiến thức đã học về ngữ dụng trong giao tiếp và nghiên cứu ngôn ngữ
b1	Phát triển kỹ năng phân tích văn bản nói và viết nhìn từ góc độ ngữ dụng học
b3	Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giải quyết vấn đề liên quan đến nội dung học phần Ngữ dụng học
c1	Thể hiện ý thức tổ chức kỉ luật, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo, khả năng làm việc độc lập và tự nghiên cứu tài liệu;

### 4. Giáo trình và tài liệu học tập

#### 4.1. Giáo trình và tài liệu học tập:

CB1	Yule, G. (1996). <i>Pragmatics</i> . Oxford University Press
CB2	Jacob, M.W (1992) <i>Pragmatics: An Introduction</i> . Blackwell
CB3	Joan, C. (2002) <i>Pragmatics and Discourse</i> . Routledge
CB4	Kickey, L. (1998) <i>The pragmatics of Translation</i> . Multilingual Matters

#### 4.2. Tài liệu tham khảo:

RB1	Levinson, S. C. (1983). <i>Pragmatics</i> . Cambridge: Cambridge University Press.
RB2	Hurford, J. R., & Heasley, B. (1984). <i>Semantics – A Course Book</i> . Cambridge: Cambridge University Press.
RB3	Thomas, J (2013) <i>Meaning in Interaction: an Introduction to Pragmatics</i> . Routledge
RB4	McNally, L. & Kenedy, C. (Eds) (2008) <i>Adjectives and Adverbs: Syntax, Semantics, and Discourse</i> . Oxford University Press
RB5	Brown, P & Levinson, S. (1987). <i>Politeness: Some universals in language usage</i> . Cambridge University Press

### 5. Chiến lược học tập

Sinh viên cần tích cực và chủ động tham gia vào quá trình học tập; cần tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định, không ngừng phấn đấu để duy trì sự tiến bộ liên tục trong học tập; hoàn thành nhiệm vụ học tập đúng tiến độ.

Để hoàn thành tốt học phần này, sinh viên cần:

- Có ý thức học tập tốt
- Có đầy đủ tài liệu học tập

## 6. Nội dung, kế hoạch giảng dạy và đánh giá

Nội dung và kế hoạch giảng dạy, đánh giá	Hoạt động học tập của người học				Chuẩn đầu ra
	Trên lớp	ST	Tự học	SG	
<p><b>1. Introduction</b></p> <p>1.1 What is pragmatics all about?</p> <p>1.2 Pragmatic acts</p> <p>1.3 Why do we need pragmatics?</p> <p>1.4 What use is pragmatics?</p> <p>1.5. Syntax, Semantics, and Pragmatics</p> <p>1.6 A waste-basket?</p> <p><b>2. Why Pragmatics?</b></p> <p>2.1 Introduction: A look at history</p> <p>2.2 Linguists on the (Plymouth)</p> <p>2.3 Logicians, language and the (wo)man in the street</p> <p>2.4 Ordinary language and logic</p> <p>2.5 A problem in syntax</p> <p>2.6 A problem in semantics: Presuppositions</p> <p>2.7 A world of users</p>	Nghe giảng Thảo luận Phân tích văn bản	2	Hoàn thành bài tập về nhà Chuẩn bị câu hỏi thảo luận cho bài mới	6	a1; b2; b3; c1; c2
<p><b>3. Defining Pragmatics</b></p> <p>3.1. Preliminaries</p> <p>3.2. The importance of being a user</p> <p>3.3. Context</p> <p>3.4. Towards a definition of pragmatics</p> <p>3.5. Pragmatics and the rest</p> <p>3.6. Theory and practice</p> <p>3.7. Component or perspective?</p> <p>3.8. The functional way</p> <p><b>4. Pragmatic Principles</b></p> <p>4.1. Introduction: Why principles?</p> <p>4.2. Principles and rules; the Communicative Principle</p> <p>4.3. Nature, convention and context</p> <p>4.4. Some principles discussed</p>	Nghe giảng Thảo luận Làm việc nhóm	2	Hoàn thành bài tập về nhà Làm việc nhóm chuẩn bị bài mới	6	a1; b2; b3; c1; c2
<p><b>5 Reference and Inference</b></p> <p>5.1. Referential and attributive use</p> <p>5.2. Names and referents</p> <p>5.3. The role of co-text</p> <p>5.4. Reference and anaphora</p> <p><b>6. Deixis and distance</b></p> <p>6.1. Person deixis</p> <p>6.2. Spatial deixis</p> <p>6.3. Temporal deixis</p> <p>6.4. Deixis and grammar</p>	Nghe giảng Thuyết trình Thảo luận Làm việc nhóm Phân tích văn bản để tìm ra các đặc điểm ngữ dụng đã học	2	Hoàn thành bài tập về nhà Làm việc nhóm chuẩn bị bài mới	6	a1; b2; b3; c1; c2

<p><b>7. Presupposition and entailment</b>  7.1. Presupposition  7.2. Types of presupposition  7.3. The projection problem  7.4. Ordered entailment</p>	Nghe giảng Thuyết trình Thảo luận Làm việc nhóm Phân tích văn bản để tìm ra các đặc điểm ngữ dụng đã học	2	Hoàn thành bài tập về nhà Làm việc nhóm chuẩn bị bài mới	6	a1; b2; b3; c1; c2
<p><b>8. Cooperation and implicature</b>  8.1. The cooperative principle  8.2. Hedges  8.3. Conversational implicature  8.3.1. Generalized conversational implicature  8.3.2. Scalar implicatures  8.3.3. Particularized conversational implicature  8.3.4. Properties of conversational implicature  8.4. Conventional implicatures</p>	Nghe giảng Thuyết trình Thảo luận Làm việc nhóm Phân tích văn bản để tìm ra các đặc điểm ngữ dụng đã học	2	Hoàn thành bài tập về nhà Làm việc nhóm chuẩn bị bài mới	6	a1; b1; b2; b3; c1; c2
<p><b>9. Speech Acts</b>  9.1. History and introduction  9.2. Physiognomy of a speech act: Promising  <b>10. Speech Act Verbs and Indirect Speech Acts</b>  10.1. Speech act verbs  10.2. Indirect speech acts  <b>11. Speech Acts and their Classification</b>  11.1. Introduction: The problem  11.2. Searle's criteria: Act, force and point  11.3. On Searle's classification of speech acts  11.4. The case against speech acts: The pragmatic view</p>	Nghe giảng Thuyết trình Thảo luận Làm việc nhóm Phân tích văn bản để tìm ra các đặc điểm ngữ dụng đã học	2	Hoàn thành bài tập về nhà Làm việc nhóm chuẩn bị bài mới	6	a1; b1; b2; b3; c1; c2
<p><b>12. Introduction to Macropragmatics</b>  12.1 Introduction: Co-text and context  12.2 From sentence (pair) to text  12.3 From speech act to conversation  12.4 Society and context  12.5 Society and discourse</p>	Nghe giảng Thảo luận Làm việc nhóm Phân tích văn bản để tìm ra các đặc điểm ngữ dụng đã học	2	Hoàn thành bài tập về nhà Làm việc nhóm chuẩn bị bài mới	6	a1; a2; a3; b1; b2; b3; c1; c2
<p><b>13. Conversation Analysis: Basic Nations</b></p>	Nghe giảng Thảo luận	2	Hoàn thành bài tập về		

<p>13.1. Introduction: From speech acts to conversation</p> <p>13.2. Discourse analysis vs. conversation analysis</p> <p>13.3. The handmaid's tale: Weaknesses of the philosophical approach</p> <p>13.4. The role of pragmatics in conversation</p>	Làm việc nhóm		nhà Làm việc nhóm chuẩn bị bài mới		
<p><b>14. Conversation Analysis: Part I</b></p> <p>14.1. Introduction: What happens in conversation?</p> <p>14.2. The ethnomethodological approach</p> <p>14.3. Turns and turn-taking</p> <p>14.4. Previewing TRPs</p> <p>14.5. Pre-sequences and insertion sequences</p> <p>14.6. Preference</p> <p><b>15. Conversation Analysis: Part II</b></p> <p>15.1. Introduction: From form to content</p> <p>15.2. Coherence</p> <p>15.3. Sequencing</p> <p>15.4. Adjacency pairs</p> <p>15.5. Conversation and speech acts</p> <p>15.6. Beyond local organization</p> <p>15.7. Pragmatic acts</p>	Thuyết trình <i>Bài tập lớn</i> Thảo luận Làm việc nhóm	2	Hoàn thành bài tập về nhà <i>Làm bài tập lớn</i> Làm việc nhóm chuẩn bị bài mới	6	a1; a2; a3; b1; b2; b3; c1; c2
<p><b>16. Metapragmatics</b></p> <p>16.1. Introduction: Why metapragmatics?</p> <p>16.2. Rules on rules?</p> <p>16.3. Principles and maxims revisited</p> <p>16.4. 'Right or wrong, my ...'</p> <p>16.5. Pragmatic constraints</p> <p>16.6. A constrained world?</p>	Nghe giảng Thuyết trình Thảo luận Làm việc nhóm	2	Hoàn thành bài tập về nhà Làm việc nhóm chuẩn bị bài mới	6	a1; a2; a3; b1; b2; b3; c1; c2
<i>Đánh giá giữa kỳ</i>	<i>Bài tập lớn</i>		<i>Bài tập lớn</i>		a1; a2; a3; b1; b2; b3; c1; c2
<p><b>17. Societal Pragmatics</b></p> <p>17.1. Introduction: Linguistics and society</p> <p>17.2. Language in education: A privileged matter</p> <p>17.3. Other social contexts</p> <p>17.4. Language and manipulation</p> <p>17.5. Pragmatic presuppositions in culture</p> <p>17.6. Wording the world</p>	Nghe giảng Thuyết trình Thảo luận Làm việc nhóm	2	Hoàn thành bài tập về nhà Làm việc nhóm chuẩn bị bài mới	6	a1; a2; a3; b1; b2; b3; c1; c2

17.7. Pragmatics and the social struggle 17.8. The light at the end of the tunnel					
<b>18. Politeness and interaction</b> 18.1. Politeness 18.2. Face Wants 18.3. Negative and positive face 18.4. Self and other: say nothing 18.5. Say something: off and on record 18.6. Positive and negative politeness	Nghe giảng Thuyết trình Thảo luận Làm việc nhóm	2	Hoàn thành bài tập về nhà Làm việc nhóm chuẩn bị bài mới	6	a1; a2; a3; b1; b2; b3; c1; c2
<b>19. Politeness strategies</b> 19.1. Positive politeness strategies 19.2 Negative politeness strategies	Nghe giảng Thuyết trình Thảo luận Làm việc nhóm	2	Hoàn thành bài tập về nhà Làm việc nhóm chuẩn bị bài mới	6	a1; a2; a3; b1; b2; b3; c1; c2
<b>20. Pragmatics and Translation</b> 20.1. Speech acts and Illocutionary 20.2. Function in Translation 20.3 Pragmatics Aspects of Translation: Some Relevance-Theory Observations 20.5. Politeness and Translation 20.6. Text Politeness: A Semiotic Regime for a More Interactive Pragmatics 20.7. Text Politeness: A Semiotic Regime for a More interactive Pragmatics 20.8. Presupposition and Translation 20.9. Deitic Features and the Translator	Nghe giảng Thuyết trình Thảo luận Làm việc nhóm Bài tập lớn	2	Hoàn thành bài tập về nhà Làm việc nhóm chuẩn bị bài mới	6	a1; a2; a3; b1; b2; b3; c1; c2
<b>21. Pragmatics and Language Teaching</b> 21.1. Pragmatics and Teaching Reading 21.2. Pragmatics and Teaching Writing 21.3. Pragmatics and Teaching Speaking 21.4. Pragmatics and Teaching Listening	Làm việc nhóm Thuyết trình	2	Hoàn thành bài tập về nhà Làm việc nhóm chuẩn bị bài mới	6	a1; a2; b1; b2; b3; c1; c2
<b>Kiểm tra cuối khóa</b>	Tự luận và trắc nghiệm		Ôn tập cuối khóa		
<b>Tổng số tiết/giờ học</b>		<b>30</b>		<b>90</b>	

ST-Số tiết chuẩn SG-Số giờ

## 7. Đánh giá kết quả học tập

### 7.1. Hoạt động đánh giá của học phần

Hoạt động đánh giá của học phần gồm:

Phân loại	Phương pháp đánh giá	Tỷ trọng	Chuẩn đầu ra							
			a1	a2	a3	b1	b2	b3	c1	c2
Quá trình	DG1. Bài tập lớn (BTL)	30%	x	x	x	x	x		x	x
	DG2. Thuyết trình (TT)	20%	x	x		x	x	x	x	x
Kết thúc học phần	DG3. Bài thi kết thúc học phần (BTHK)	50%	x	x	x	x	x	x	x	x
<i>Tổng cộng:</i>		100%								

#### - Hoạt động đánh giá 1

- Hình thức đánh giá: Bài tập lớn
- Mục đích:
  - Giúp người học hiểu rõ hơn các khái niệm về ngữ dụng học
  - Phát triển khả năng phân tích văn bản nói và viết nhìn từ góc độ ngữ dụng học
  - Bồi dưỡng năng lực nghiên cứu ngôn ngữ
  - Rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng làm việc độc lập
  - Hình thành và rèn luyện ý thức và kỹ năng làm việc nhóm và trách nhiệm với công việc và cộng đồng
- Chuẩn đầu ra được đánh giá: **a1, a2, b1, b2, c1**
- Quy trình:
  - Làm việc cùng giáo viên phụ trách môn học để tìm 1 chủ đề phù hợp
  - Viết bài theo format đã được giáo viên hướng dẫn
- Tỷ trọng đánh giá: **30%** tổng điểm học phần

#### - Hoạt động đánh giá 2

- Hình thức đánh giá: Thuyết trình
- Mục đích:
  - Giúp người học hiểu rõ hơn các khái niệm về ngữ dụng học
  - Nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ đặc biệt khả năng giao tiếp văn nói
  - Bồi dưỡng năng lực nghiên cứu ngôn ngữ
  - Rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng làm việc độc lập
  - Hình thành và rèn luyện ý thức và kỹ năng làm việc nhóm và trách nhiệm với công việc và cộng đồng
- Chuẩn đầu ra được đánh giá: **a1, a2, b1, b2, c1**
- Quy trình:
  - Làm việc cùng nhóm được phân công để tìm tài liệu phù hợp, chuẩn bị cho bài thuyết trình được giao

- Làm việc cùng giáo viên để kiểm tra độ chính xác của nội dung được thuyết trình
- Hoàn thành phần thuyết trình dưới dạng powerpoint
- Thuyết trình trước cả lớp và giáo viên phụ trách, trả lời các câu hỏi phát sinh từ người nghe và giáo viên
- Tỷ trọng đánh giá: **20%** tổng điểm học phần
- **Hoạt động đánh giá 3**
  - Hình thức đánh giá: Bài thi kết thúc học phần
  - Mục đích:
    - Giúp người học hiểu rõ hơn các khái niệm về ngữ dụng học
    - Nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ đặc biệt khả năng giao tiếp văn nói
    - Bồi dưỡng năng lực nghiên cứu ngôn ngữ
    - Rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề, khả năng làm việc độc lập
    - Hình thành và rèn luyện ý thức và kỹ năng làm việc nhóm và trách nhiệm với công việc và cộng đồng
  - Chuẩn đầu ra được đánh giá: **a1, a2, b1, b2, c1**
  - Mô tả:
    - Bài thi gồm 2 phần: Trắc nghiệm và tự luận
    - Phần trắc nghiệm có: 30 câu hỏi, được thiết kế liên quan đến những nội dung đã học theo mức độ từ dễ (7), trung bình (12), khó (7) đến rất khó (4). Mỗi câu hỏi được 1 điểm. Tổng số điểm phần trắc nghiệm là 30
    - Phần tự luận: 02 câu hỏi. Mỗi câu hỏi 5 điểm. Tổng số điểm phần tự luận là 10.
    - Điểm bài thi đánh giá cuối kỳ được tính theo thang điểm 10 bằng tổng trắc nghiệm cộng tự luận chia 4.
  - Tỷ trọng đánh giá: **50%** tổng điểm học phần

## 7.2. Ma trận đánh giá:

Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
a1_Hiểu những khái niệm cơ bản được sử dụng trong ngữ dụng học như câu, phát ngôn, hàm ngôn, tiền giả định, v.v.	Hiểu rõ	Hiểu khá rõ	Hiểu ở mức trung bình	Hiểu ở mức hạn chế	Hiểu ở mức rất hạn chế
a2_Vận dụng kiến thức đã học về ngữ dụng trong giao tiếp và nghiên cứu ngôn ngữ	Vận dụng tốt	Vận dụng khá tốt	Vận dụng ở mức trung bình	Vận ở mức hạn chế	Chưa vận dụng được
b1_Phát triển kỹ năng phân tích văn bản nói và viết nhìn từ góc độ ngữ dụng học	Phát triển tốt	Phát triển khá tốt	Phát triển ở mức trung bình	Phát triển ở mức hạn chế	Phát triển ở mức rất hạn chế
b2_Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng giải	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung	Thể hiện ở mức	Thể hiện ở mức rất



Tiêu chí đánh giá	Khung điểm				
	A	B	C	D	F
	8,5 ÷ 10	7,0 ÷ 8,4	5,5 ÷ 6,9	4,0 ÷ 5,4	< 4,0
quyết vấn đề liên quan đến nội dung học phần Ngữ dụng học			bình	hạn chế	hạn chế
c1_ Thể hiện ý thức tổ chức kỉ luật, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động, sáng tạo, khả năng làm việc độc lập và tự nghiên cứu tài liệu;	Thể hiện tốt	Thể hiện khá tốt	Thể hiện ở mức trung bình	Thể hiện ở mức hạn chế	Thể hiện ở mức rất hạn chế

### 7.3. Cách tính kết quả học tập chung của học phần

Kết quả của học phần được đánh giá theo công thức sau:

$$\Sigma = \frac{BTL \times 30 + TT \times 20 + BTHK \times 50}{100}$$

## 8. Các phương tiện, trang thiết bị dạy và học

Nhà trường cần có đầy đủ hệ thống phòng học tiêu chuẩn, đạt đủ yêu cầu về bàn ghế, ánh sáng, loa đài, micro phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập.

Nhà trường cần có đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo; có hệ thống máy chiếu và kết nối mạng internet để người học có thể tra cứu và sử dụng tài liệu số.

Người học cần chuẩn bị máy tính và phương tiện cần thiết để trình chiếu khi thuyết trình.

## 9. An toàn của sinh viên và giảng viên

Giảng viên và sinh viên tuân thủ các quy định về lớp học; quy định về an toàn phòng chống cháy nổ; quy định về phòng thực hành tiếng và các quy định khác của nhà trường và khoa.

## 10. Kỷ luật, khiếu nại và hỗ trợ

Sinh viên gặp bất kỳ khó khăn gì trong quá trình học tập có thể liên hệ trực tiếp với giảng viên, Trưởng khoa/bộ môn, Văn phòng hỗ trợ sinh viên, Phòng Đào tạo, Ban Thanh tra của Nhà trường để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Chủ tịch Hội đồng  
xây dựng CTĐT ngành**

Hải Phòng, ngày .... tháng ... năm 20...  
**Người biên soạn**

**TS. Trần Thị Ngọc Liên TS.**

**Trần Thị Ngọc Liên**